

Vài nét về sự phát triển Trọng tài Thương mại tại Việt Nam

Ts.Ls. PHẠM LIÊM CHÍNH
Văn phòng Luật sư Chính và Cộng sự

Thưa quý ông, quý bà,

Hội thảo của chúng ta đề cập đến trọng tài thương mại trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng bởi tính thời sự và sự hữu hiệu của nó.

Các bên trong tranh chấp thương mại (quốc tế) thường nhờ đến trọng tài, công lý tư để giải quyết tranh chấp giữa họ vì tính ưu việt của trọng tài so với công lý công - tòa án nhà nước, bởi trọng tài:

- (i) Là công lý tư, phù hợp với quan hệ thương mại (quốc tế),
- (ii) Là tổ tụng cho phép các bên được tự do lựa chọn trọng tài,
- (iii) Bảo đảm sự nhanh chóng, và
- (iv) Bảo đảm sự kín đáo.

Việt Nam đã phát triển trọng tài thương mại nội địa và quốc tế từ đầu những năm 1960 nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của mình.

Nhằm thúc đẩy công cuộc phát triển kinh tế và hội nhập của mình vào nền kinh tế thế giới, trong những năm qua Việt Nam đã nỗ lực xây dựng một khung pháp luật tương đối hoàn chỉnh trong lĩnh vực kinh doanh trong đó có thương mại và đầu tư nước ngoài.

Khung pháp luật này đã được hoàn thiện thêm một bước bởi sự ra đời của Pháp lệnh Trọng tài Thương mại ngày 25/2/2003.

Cũng trong lĩnh vực trọng tài, Việt Nam trước đó đã ban hành Pháp lệnh ngày 14/9/1995 về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, cụ thể hóa việc Việt Nam tham gia Công ước New -York năm 1958 về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài.

Với hai văn bản quan trọng này, Việt Nam đã tạo ra một khung pháp lý cần thiết để trọng tài có thể phát triển và góp phần giải quyết các tranh chấp thương mại giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là các tranh chấp thương mại quốc tế giữa doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài.

Chúng ta hãy cùng nhau điểm lại những nét cơ bản của khung pháp luật về trọng tài và thực tế phát triển trọng tài tại Việt Nam.

I. Pháp lệnh Trọng tài Thương mại ngày 25/2/2003

Sau 6 năm soạn thảo, Pháp lệnh Trọng tài Thương mại đã được ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 25/2/2003 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2003. Pháp lệnh này đã quy định những vấn đề cơ bản dưới đây:

1. Hình thức trọng tài: trọng tài thường trực và trọng tài *ad hoc*

Nhà lập pháp Việt Nam đã chính thức công nhận các bên trong tranh chấp thương mại có quyền lựa chọn giữa trọng tài thường trực và trọng tài *ad hoc* (Điều 4 Pháp lệnh Trọng tài).

Đây là một bước tiến quan trọng vì trong hơn 40 năm qua Việt Nam chủ yếu quen với hình thức trọng tài thường trực, với các phán quyết được tuyên bởi các trọng tài viên thuộc các Trung tâm trọng tài ở trong nước và nước ngoài.

Ngày nay, nhà lập pháp Việt Nam công nhận Trọng tài *ad hoc* cũng là nhờ ở thực tế phát triển của đầu tư nước ngoài ở Việt Nam : các bên đối tác đã ký kết các hợp đồng đầu tư và đã thỏa thuận dùng trọng tài *ad hoc* tại điều khoản trọng tài trong các hợp đồng đó.

Nhà lập pháp Việt Nam công nhận việc áp dụng trọng tài *ad hoc* không chỉ đối với các tranh chấp quốc tế mà cả đối với các tranh chấp nội địa. Đây là một sự thông thoáng nhằm tạo ra một sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp.

2. Thỏa thuận trọng tài (Điều 9 – Điều 11 Pháp lệnh Trọng tài)

2.1. Pháp lệnh trọng tài quy định thỏa thuận trọng tài phải được lập thành văn bản (Điều 9 Pháp lệnh Trọng tài)

Thỏa thuận trọng tài đó có thể là một điều khoản trọng tài đã soạn từ trước khi có tranh chấp và nằm trong hợp đồng chính giữa hai bên hoặc nó có thể là một thỏa hiệp trọng tài - thỏa thuận được lập chỉ khi tranh chấp phát sinh giữa hai bên và tranh chấp này đang tồn tại (Điều 9 Pháp lệnh Trọng tài).

2.2. Thỏa thuận trọng tài vô hiệu (Điều 10 Pháp lệnh Trọng tài)

Thỏa thuận trọng tài vô hiệu khi thuộc một trong các trường hợp sau :

- (i) Đối tượng tranh chấp không thuộc xét xử trọng tài;
- (ii) Người ký kết thỏa thuận trọng tài không có thẩm quyền;
- (iii) Người ký kết thỏa thuận trọng tài hoặc không có năng lực hành vi dân sự;

(iv) Thỏa thuận trọng tài không xác định hoặc xác định không rõ đối tượng tranh chấp, trung tâm trọng tài (trọng tài thường trực) được lựa chọn và các bên không không đi đến một thỏa thuận bổ sung để làm rõ;

(v) Thỏa thuận trọng tài không được lập thành văn bản;

(vi) Người ký kết thỏa thuận trọng tài bị lừa dối hoặc đe dọa.

Bên yêu cầu vô hiệu của thỏa thuận trọng tài phải nêu viện dẫn yêu cầu này trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày ký thỏa thuận trọng tài và phải nêu trước khi bắt đầu phiên xét xử trọng tài đầu tiên. Quy định này nhằm hạn chế sự lạm dụng việc sử dụng sự vô hiệu của thỏa thuận trọng tài vốn được sử dụng khá phổ biến ở Việt Nam như là một lý do để từ chối không công nhận các phán quyết của trọng tài quốc tế.

Trong 6 lý do để trọng tài hoặc tòa án tuyên bố thỏa thuận trọng tài là vô hiệu, thì 2 lý do sau cần đặc biệt quan tâm :

* Người ký kết thỏa thuận trọng tài không có thẩm quyền ký kết.

Đây là lý do mà thẩm phán Việt Nam thường dùng để từ chối không công nhận các phán quyết của trọng tài nước ngoài và của Phòng Thương mại Quốc tế (ICC).

* Thỏa thuận trọng tài không xác định hoặc xác định không rõ đối tượng tranh chấp, trung tâm trọng tài (trọng tài thường trực) được lựa chọn và các bên không đi đến một thỏa thuận bổ sung để làm rõ.

Đây là vấn đề điều khoản trọng tài không đầy đủ (clause pathologique), cần phải có sự lý giải (interprétation) theo chiều hướng có lợi cho tổ tụng trọng tài nếu không sẽ rơi vào bế tắc và dẫn đến tình trạng từ chối xét xử (déni de justice).

Thực tế cho thấy ở Việt Nam cũng đã có trường hợp các bên quy định tại hợp đồng rằng khi tranh chấp thì nhờ trọng tài Việt Nam giải quyết. Khi tranh chấp phát sinh thì các bên nhờ một trung tâm trọng tài tại Việt Nam để xử lý. Trung tâm này đã không thụ lý được vụ kiện vì các bên không có sự thỏa thuận bổ sung để chính xác hóa tên gọi của trung tâm trọng tài mà mình muốn chọn.

Kinh nghiệm ở nước ngoài cho thấy người ta hoàn toàn có thể cứu được trường hợp này vì ý chí của 2 bên là nhờ trọng tài giải quyết tranh chấp và khi không chỉ ra được là trọng tài thường trực nào thì tòa án có quyền tuyên bố đó là trọng tài *ad hoc* và yêu cầu các bên phải hợp tác để cho trọng tài *ad hoc* hoạt động được. ở đây ta thấy rõ vai trò hỗ trợ của Tòa án trong việc tháo gỡ những khó khăn mà trọng tài có thể gặp phải.

Liên quan đến đối tượng tranh chấp cũng cần lưu ý khái niệm tính thương mại (commercialité) bấy lâu nay không được hiểu và áp dụng một cách thống nhất nên cũng dễ dẫn đến coi đối tượng tranh chấp trong lĩnh vực xây dựng không phải là thương mại nên Tòa án đã từ chối không công nhận một phán quyết trọng tài nước ngoài xử tranh chấp giữa các bên trong lĩnh vực xây dựng.

2.3. Sự độc lập của Điều khoản trọng tài đối với hợp đồng chính

Nhà lập pháp Việt Nam đã công nhận sự độc lập của điều khoản trọng tài đối với hợp đồng chính. Điều đó có nghĩa là nếu hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu thì điều khoản trọng tài vẫn tồn tại và có hiệu lực, giúp các bên dựa vào đó để nhờ trọng tài giải quyết tranh chấp tồn tại giữa họ. Nguyên tắc này là một trong những nguyên tắc cơ bản của trọng tài.

3. - Quy chế trọng tài viên (Điều 12 và Điều 13 Pháp lệnh Trọng tài)

Để làm trọng tài viên, Pháp lệnh đòi hỏi :

3.1. Về chuyên môn: phải có bằng đại học và 5 năm kinh nghiệm trong ngành đã học tại đại học.

Như vậy, Pháp lệnh không đòi hỏi phải có kiến thức về luật và đặc biệt là kiến thức về trọng tài. Điều này, có thể đặt ra vấn đề chất lượng của tổ tụng trọng tài và của phán quyết vì khó có thể hình dung được những gì sẽ xảy ra trong trường hợp cả 3 trọng tài viên hay trọng tài viên duy nhất không phải là luật gia hay luật sư am hiểu về luật pháp nói chung và về trọng tài nói riêng. Điều này các bên cần lường trước để khi lựa chọn trọng tài không bị rơi vào tình huống này.

3.2. về phẩm chất: yêu cầu trọng tài viên phải :

- Độc lập,
- Vô tư,
- Khách quan.

Trong 3 phẩm chất này thì sự độc lập là tiêu chuẩn quan trọng nhất : trọng tài viên phải là người không có quan hệ phụ thuộc với một trong các bên, như không là cố vấn pháp luật, không ăn lương, thù lao của bên có liên quan. Sự không độc lập sẽ làm ảnh hưởng đến sự phán xử của trọng tài viên.

Vô tư là trạng thái tinh thần của trọng tài viên, khó mà cân đo, đong đếm được. Nó thể hiện trong quá trình xét xử. Còn khách quan đòi hỏi trọng tài viên bỏ đi những sở thích cá nhân và không được có định kiến trong xét xử.

Phòng Thương mại Quốc tế (ICC) chỉ yêu cầu một tiêu chí duy nhất ở trọng tài viên là **độc lập** và yêu cầu trọng tài viên phải ký giấy tuyên bố mình là người độc lập với các bên. Sự độc lập tạo ra sự suy diễn vô tư đối với trọng tài.

3.3. Về đạo đức:

- Có phẩm chất đạo đức, trung thực,
- Không nhận quà biếu, không có hành vi trái đạo đức,
- Giữ bí mật nội dung vụ tranh chấp.

Quy tắc về đạo đức nghề nghiệp đã rõ, song cũng cần giới hạn và làm rõ đòi hỏi về đạo đức cá nhân.

Có lẽ không nên đặt ra vấn đề tiêu chí về đạo đức cá nhân vì quan niệm về đạo đức cá nhân không đồng nhất ở đối với tất cả mọi người và tất cả các quốc gia.

4. Chỉ định trọng tài viên (Điều 25 – Điều 27, Điều 49.3 và Điều 49.4 Pháp lệnh Trọng tài)

Đã có sự mở rộng quyền tự do lựa chọn trọng tài viên của các bên trong các tranh chấp quốc tế.

4.1. Đối với tranh chấp nội địa (Điều 25 - 27 Pháp lệnh Trọng tài)

- Nếu các bên chọn trọng tài thường trực thì họ chỉ có thể chọn trọng tài viên trong danh sách của trung tâm trọng tài mà họ đã chọn, không có quyền chọn trọng tài viên ngoài danh sách của trung tâm đó. Đây là một hạn chế quyền tự do lựa chọn trọng tài viên của các bên. Các trọng tài viên của trung tâm đều là công dân Việt Nam.

- Nếu là trọng tài *ad hoc*, các bên có sự lựa chọn rộng rãi hơn, nhưng người được lựa chọn làm trọng tài viên đều là công dân Việt Nam.

4.2. Đối với tranh chấp quốc tế (Điều 49.3 và Điều 49.4 Pháp lệnh Trọng tài)

Các bên có quyền lựa chọn trọng tài viên rộng rãi hơn :

(i) Trọng tài viên :

- Được lựa chọn bởi các bên hoặc

- Được chỉ định bởi tòa án nhà nước trong trường hợp các bên không chỉ định được.

(ii) Trọng tài viên là người có tên:

- Trong danh sách hoặc

- Ngoài danh sách trọng tài viên của các trung tâm trọng tài tại Việt Nam

Trọng tài viên có thể là *công dân nước ngoài*.

Với quy định này thì bên nước ngoài có quyền lựa chọn trọng tài viên theo mong muốn của mình, không còn bị hạn chế sự lựa chọn của mình trong một danh sách chỉ bao gồm các trọng tài viên mang quốc tịch Việt Nam.

Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc khuyến khích sự phát triển trọng tài quốc tế tại Việt Nam.

4.3. Thay đổi trọng tài viên (Điều 27 Pháp lệnh Trọng tài)

a) Trọng tài viên có nghĩa vụ từ chối làm trọng tài trong vụ tranh chấp mà mình ở vào một trong các trường hợp sau:

- Là thân thích hoặc đại diện của một bên,

- Có lợi ích trong vụ tranh chấp,
- Có căn cứ rõ ràng về sự không vô tư, không khách quan.

Các bên cũng có quyền yêu cầu thay đổi trọng tài viên khi trọng tài viên liên quan ở vào một trong các tình huống trên.

Hai tiêu chí đầu liên quan đến tính độc lập của trọng tài viên, dễ yêu cầu và cũng dễ chứng minh. Còn vô tư, khách quan là trạng thái tâm lý của trọng tài viên, khó mà đánh giá được nên cũng khó thực hiện được trên thực tế.

b) Trọng tài viên có nghĩa vụ thông báo công khai và kịp thời về những việc có thể gây nghi ngờ về tính khách quan, vô tư của mình.

Yêu cầu này khó thực hiện vì sự không khách quan, không vô tư là trạng thái tinh thần của trọng tài viên.

c) Việc thay đổi trọng tài viên do các thành viên khác của Hội đồng Trọng tài (Tòa án Trọng tài) quyết định.

Trong trường hợp gặp khó khăn, sẽ do Chủ tịch Trung tâm trọng tài quyết định đổi trường hợp trọng tài thường trực, hoặc do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với trọng tài *ad hoc*.

d) Trong quá trình xét xử, nếu một trọng tài viên không thể tiếp tục được nhiệm vụ của mình thì Hội đồng Trọng tài (Tòa án Trọng tài) sẽ quyết định cử trọng tài viên khác thay thế trọng tài đó.

5. Hòa giải (Điều 37 Pháp lệnh Trọng tài)

- Trong quá trình tố tụng trọng tài, các bên có thể tự hòa giải. Nếu hòa giải thành thì các bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài (Tòa án Trọng tài) đình chỉ tố tụng.

- Các bên có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài (Tòa án Trọng tài) tiến hành hòa giải. Trong trường hợp hòa giải thành thì biên bản hòa giải thành được các bên và các trọng tài viên ký có giá trị như một phán quyết trọng tài.

Quy định này về hòa giải là một sự tiến bộ vì nó đã kết hợp một cách hài hòa giữa hòa giải và trọng tài, vốn được tách biệt rất rõ ràng ở phương Tây.

Trước đây, trong thực tế xét xử trọng tài ở Việt Nam, các trọng tài viên của trung tâm thường gợi ý, khuyên các bên nên hòa giải trong phiên xét xử đầu tiên. Nay với quy định này, trọng tài viên chỉ xét xử theo tố tụng trọng tài, hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên yêu cầu trọng tài viên.

5. Biện pháp khẩn cấp tạm thời (Điều 33 - 36 Pháp lệnh Trọng tài)

Nguyên đơn trong tố tụng trọng tài có thể yêu cầu Tòa án cấp Tỉnh nơi Hội đồng trọng tài (Tòa án Trọng tài) thụ lý vụ tranh chấp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm bảo vệ chứng cứ, phong tỏa và bảo toàn tài sản của bị đơn.

Nguyên đơn phải nộp một khoản tiền bảo đảm do Tòa án quy định khi yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để trách việc lạm dụng quyền này của đương sự.

Đây là một biện pháp tích cực nhằm nâng cao sự hữu hiệu của tố tụng trọng tài.

6. Ngôn ngữ trong xét xử (Điều 49.7 Pháp lệnh Trọng tài)

Vấn đề ngôn ngữ trong xét xử chỉ đặt ra đối với tranh chấp quốc tế. Nhà lập pháp công nhận các bên có quyền lựa chọn ngôn ngữ trong xét xử. Đây là một điều tiến bộ và cũng là một thách thức quan trọng đối với các trọng tài viên Việt Nam vì họ phải có đủ khả năng ngôn ngữ mà các bên lựa chọn.

Nếu các bên không lựa chọn ngôn ngữ thì các trọng tài sẽ dùng tiếng Việt để xét xử và trong trường hợp như vậy thì bên nước ngoài sẽ sử dụng phiên dịch trước tòa để diễn đạt.

7. Nơi xét xử (Điều 23, Điều 49.6 Pháp lệnh Trọng tài)

Đối với tranh chấp nội địa, địa điểm xét xử (tại Việt Nam) do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì Hội đồng trọng tài (Tòa án Trọng tài) sẽ quyết định (Điều 23 Pháp lệnh Trọng tài).

Đối với tranh chấp quốc tế, địa điểm xét xử có thể ở Việt Nam hoặc tại nước ngoài, do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì Hội đồng trọng tài (Tòa án Trọng tài) sẽ quyết định (Điều 49.6 Pháp lệnh Trọng tài).

8. Luật áp dụng (Điều 7 Pháp lệnh Trọng tài)

- Đối với tranh chấp nội địa, Hội đồng Trọng tài (Tòa án Trọng tài) áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết tranh chấp về nội dung.

- Đối với tranh chấp quốc tế, Hội đồng Trọng tài (Tòa án Trọng tài) áp dụng pháp luật do các bên lựa chọn, nhưng việc lựa chọn và áp dụng pháp luật nước ngoài không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Cần làm rõ nội dung của các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Có lẽ chỉ nên quy định là không trái với trật tự công cộng của Việt Nam là đủ.

- Nếu các bên không tự chọn luật áp dụng thì Hội đồng trọng tài (Tòa án Trọng tài) sẽ chọn thay.

Cần làm rõ tiêu chí chọn luật áp dụng của Hội đồng Trọng tài (Tòa án Trọng tài).

Theo Điều 49. 5 Pháp lệnh Trọng tài, các bên có quyền chọn luật (quốc gia, nước ngoài) và tập quán thương mại quốc tế để giải quyết tranh chấp.

9. Phiên xét xử trọng tài (Điều 38 - 39 Pháp lệnh Trọng tài)

Phiên xét xử trọng tài là không công khai. Các bên có quyền mời luật sư, nhân chứng.

10. Phán quyết trọng tài (Điều 44 - 46 Pháp lệnh Trọng tài)

Pháp lệnh quy định Hội đồng trọng tài (Tòa án Trọng tài) có thể ra phán quyết vào phiên xét xử cuối cùng hoặc trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên xét xử cuối cùng.

11. Hiệu lực của phán quyết trọng tài (Điều 6 Pháp lệnh Trọng tài)

Phán quyết trọng tài là chung thẩm và ràng buộc các bên phải thi hành, trừ trường hợp Tòa án hủy phán quyết.

12. Việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài (Điều 57 Pháp lệnh Trọng tài)

Khi phán quyết trọng tài được tuyên, thông thường ở nước ngoài bên thắng kiện có quyền yêu cầu Tòa án nơi bị đơn có trụ sở, nơi cư trú hoặc nơi có tài sản để xin công nhận và thi hành phán quyết trọng tài.

Nhưng Pháp lệnh trọng tài của Việt Nam đã không đặt dấu nhấn vào sự can thiệp của Tòa án vào khâu công nhận và cho thi hành cưỡng chế phán quyết trọng tài. Pháp lệnh trên thực tế đã cắt bỏ khâu Tòa án công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài.

Ngược lại, Pháp lệnh chỉ tập trung vào khâu Tòa án xem xét đơn của bên thua kiện xin hủy phán quyết trọng tài. Nếu phán quyết không bị hủy bởi Tòa án thì nó mới được cưỡng chế thi hành ở cơ quan thi hành án.

Như vậy, bên thắng kiện không có quyền yêu cầu Tòa án công nhận và cho thi hành cưỡng chế mà phải chờ sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn thi hành tự nguyện phán quyết trọng tài mà bên thua kiện không tự nguyện thi hành và cũng không yêu cầu Tòa án hủy phán quyết thì mới có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án cấp tỉnh cho cưỡng chế thi hành phán quyết trọng tài.

Có lẽ để tạo ra sự ngang bằng về quyền giữa hai bên trong tranh chấp nên duy trì quyền xem xét của Tòa án trong cả 2 khâu : xem xét công nhận phán quyết theo đơn yêu cầu công nhận của bên nguyên đơn thắng kiện và xét đơn xin hủy phán quyết của bị đơn thua kiện.

Khi bị đơn thua kiện, không tự nguyện thi hành phán quyết, cũng không yêu cầu Tòa án hủy phán quyết thì việc nguyên đơn thắng kiện yêu cầu Tòa án công nhận phán quyết (exequatur) cũng là dịp tốt để Tòa án kiểm tra lại về mặt tố tụng xem Hội đồng trọng tài (Tòa án trọng tài) có tôn trọng quyền bào chữa của bị đơn không, phán quyết có rơi vào một trong các trường hợp không được công nhận ? Sự can thiệp của Tòa

án ở khâu này chắc hẳn là không chỉ có lợi cho nguyên đơn thắng kiện mà còn có lợi cho bị đơn thua kiện vì họ yên tâm hơn khi thi hành một phán quyết trọng tài đã được Tòa án đã kiểm tra và công nhận (sentence exequatur).

Còn ngược lại, giao thắng phán quyết cho cơ quan thi hành án cưỡng chế, thì đã vô tình bớt đi một chức năng của Tòa án, chức năng công nhận phán quyết. Điều này chẳng những bất lợi cho nguyên đơn thắng kiện mà cũng có thể còn bất lợi cho cả bị đơn thua kiện.

Trong trường hợp duy trì cả hai khâu công nhận và hủy phán quyết của Tòa án thì có thể có hai Tòa án cấp tỉnh ở hai nơi khác nhau can thiệp : Tòa án tại nơi phán quyết được tuyên và Tòa án tại nơi bị đơn có trụ sở, nơi cư trú hay nơi có tài sản. Và như vậy cần có sự liên hệ giữa hai Tòa : nếu một Tòa hủy phán quyết thì Tòa thứ hai cũng sẽ đình chỉ việc công nhận phán quyết trọng tài.

Để củng cố tính hữu hiệu của trọng tài và bảo đảm Tòa án không xét xử lại và chỉ kiểm tra giấy tờ của vụ kiện trọng tài thì dấu nhấn của Pháp lệnh có lẽ nên được đặt vào khâu công nhận phán quyết của Tòa án, hơn là đặt vào khâu hủy phán quyết như quy định hiện nay của Pháp lệnh.

13. Việc hủy phán quyết trọng tài (Điều 50 - 56 Pháp lệnh Trọng tài)

13.1. Quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài (Điều 50 Pháp lệnh Trọng tài)

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được phán quyết trọng tài, bên thua kiện có quyền yêu cầu Tòa án cấp tỉnh nơi Tòa án trọng tài ra phán quyết trọng tài hủy phán quyết này và có nghĩa vụ cung cấp bằng chứng chứng minh phán quyết cần phải hủy theo quy định tại Điều 54 của Pháp lệnh Trọng tài.

13.2. Đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài (Điều 51 Pháp lệnh Trọng tài)

Bên yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải nêu rõ lý và phải kèm theo :

- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ phán quyết trọng tài ;
- Bản chính hoặc bản sao hợp lệ thỏa thuận trọng tài;

Đơn và các tài liệu này phải được dịch ra tiếng Việt và công chứng.

13.3. Lệ phí Tòa án

Bên yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải nộp lệ phí tòa án.

13.4. Thủ tục xét đơn

- Chuyển hồ sơ cho Tòa án. Điều này không cần thiết vì như vậy tạo điều kiện cho Tòa án can thiệp sâu về nội dung và không còn chỉ còn là sự kiểm tra đơn thuần về hình thức, dễ dẫn đến xét xử lại vụ án. Sau khi xem xét xong Tòa án có chuyển trả hồ sơ?

- Tòa án thành lập Hội đồng xét xử gồm 3 thẩm phán.
- Sự tham gia của Viện Kiểm sát.
- Phiên tòa xét đơn được tiến hành với sự có mặt của các bên tranh chấp, luật sư của các bên (nếu có), Kiểm sát viên.
- Nguyên tắc xét đơn : không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà chỉ kiểm tra giấy tờ theo quy định của Điều 51 của Pháp lệnh, đối chiếu phán quyết trọng tài với các căn cứ hủy phán quyết quy định tại Điều 54 của Pháp lệnh.
- Sau khi xem xét đơn, giấy tờ, chứng cứ, nghe ý kiến của các bên và Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định theo đa số để ra quyết định hủy hoặc không hủy phán quyết trọng tài.
- Khi phán quyết trọng tài bị hủy, tranh chấp có thể được đưa ra Tòa án giải quyết.
- Nếu phán quyết trọng tài không bị hủy, thì phán quyết được thi hành theo quy định của điều 57 của Pháp lệnh.

Thủ tục xét đơn khá nặng nề, nếu không cẩn thận thì có thể dễ dàng dẫn đến việc hủy phán quyết và tố tụng trọng tài trở nên rất mong manh.

Việc tham gia của Viện Kiểm sát tương tự như tham gia đối với các vụ án dân sự, hình sự, kinh tế... Liệu việc tham gia này có thật sự cần thiết ? Hay càng nhiều cơ quan tham gia xem xét thì trọng tài nói chung và phán quyết trọng tài nói riêng có thể còn trở nên mỏng mảnh hơn.

13.5. Không xét lại nội dung vụ tranh chấp và căn cứ để hủy phán quyết trọng tài

Khi xem xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, thẩm phán không xét lại nội dung vụ tranh chấp mà chỉ kiểm tra giấy tờ theo quy định tại Điều 51 của Pháp lệnh, đối chiếu phán quyết trọng tài với các căn cứ để hủy phán quyết trọng tài quy định tại Điều 54 của Pháp lệnh.

Căn cứ để hủy phán quyết trọng tài (Điều 54 Pháp lệnh Trọng tài):

- Không có thỏa thuận trọng tài;
- Thỏa thuận trọng tài vô hiệu theo quy định Điều 10 của Pháp lệnh;
- Thành phần tòa án trọng tài, tố tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên theo quy định của Pháp lệnh này;
- Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền xét xử của trọng tài;
- Trọng tài viên vi phạm nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 13.2 của Pháp lệnh;
- Phán quyết trọng tài trái với lợi ích công cộng của CHXHCN Việt Nam.

13.6. Kháng cáo, kháng nghị quyết định hủy hay không hủy phán quyết trọng tài

Tòa án có quyền ra quyết định hủy hay quyết định không hủy phán quyết trọng tài. Các bên có quyền kháng cáo và Viện Kiểm sát cũng có quyền kháng nghị quyết định này.

13.7. Xét kháng cáo, kháng nghị

Tòa án Nhân dân Tối cao xét kháng cáo và kháng nghị quyết định hủy hay không hủy phán quyết trọng tài của Tòa án Nhân dân cấp tỉnh.

Phiên tòa được tiến hành với sự có mặt của các bên tranh chấp, luật sư của các bên (nếu có), Kiểm sát viên.

14. Thi hành phán quyết trọng tài (Điều 57 Pháp lệnh Trọng tài)

Sau thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn thi hành phán quyết trọng tài, nếu bị đơn không tự nguyện thi hành, cũng không yêu cầu hủy phán quyết, bên thắng kiện có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án cấp tỉnh nơi bị đơn có trụ sở, hoặc nơi cư trú hoặc nơi có tài sản tiến hành cưỡng chế thi hành.

15. Hiệu lực hồi tố của Pháp lệnh đối với các phán quyết trọng tài đã tuyên ở Việt Nam nhưng chưa được thi hành

Pháp lệnh được ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 25/2/2003, có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2003.

Pháp lệnh có hiệu lực hồi tố đối với các phán quyết trọng tài đã tuyên ở Việt Nam nhưng vẫn chưa được thi hành cho đến ngày ban bố Pháp lệnh này. Các phán quyết này sẽ được thi hành theo Điều 6 và Điều 57 của Pháp lệnh này.

Điều đó có nghĩa là nhà lập pháp Việt Nam quyết tâm giải quyết tồn đọng của những phán quyết đã tuyên bởi các trung tâm trọng tài thường trực ở Việt Nam trước đây, chủ yếu là các phán quyết của Trung tâm Trọng tài Quốc tế của Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, đã không được công nhận và thi hành vì khi đó chưa có văn bản pháp luật quy định Tòa án có nghĩa vụ xem xét và công nhận các phán quyết trọng tài này.

Việc áp dụng hồi tố Pháp lệnh có thể góp phần cải thiện môi trường thương mại và đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

II. Pháp lệnh ngày 14/9/1995 công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

16. Cũng cần nhắc lại là trong những năm 1980 Việt Nam đã ký một số hiệp định tương trợ tư pháp với một số nước xã hội chủ nghĩa trước đây. Các phán quyết trọng tài được tuyên ở Việt Nam và ở các nước này có thể được công nhận và thi hành thông qua các hiệp định song phương như vậy. Nhưng chưa một bên tranh chấp nào

sử dụng con đường này để yêu cầu tòa án công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài mà mình là bên thắng kiện.

17. Pháp lệnh ngày 14/9/1995 về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, cụ thể hóa việc Việt Nam tham gia Công ước New York năm 1958 về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Đây là một bước tiến quan trọng trong việc phát triển trọng tài tại Việt Nam và khẳng định con đường hội nhập của Việt Nam

18. Việc gia nhập Công ước New York năm 1958 và ban hành Pháp lệnh ngày 14/9/1995 để chuyển hóa các quy định của Công ước New York vào hệ thống pháp luật quốc gia đã đem lại sự hữu hiệu của trọng tài thương mại quốc tế tại Việt Nam.

19. Nhiều phán quyết của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) đã được công nhận và thi hành ở nước ngoài, tiêu biểu như phán quyết n^o 8/96 ngày 9/10/1996 đã được thẩm phán áo công nhận và cho cưỡng chế thi hành khi bị đơn áo không tự nguyện thực hiện phán quyết đối với nguyên đơn Việt Nam trong vụ kiện về rau quả Việt Nam, hay như phán quyết n^o 3/95 ngày 20/7/1995 đã được thẩm phán Thái Lan cho cưỡng chế thi hành khi bị đơn Thái không tự nguyện thực hiện phán quyết đối với nguyên đơn Việt Nam trong vụ làm đại lý bán vé máy bay Việt Nam.

20. Nhưng theo chiều ngược lại, khi nguyên đơn nước ngoài thắng kiện tại trọng tài nước ngoài hay ở trọng tài CCI, cho đến nay các phán quyết trọng tài này đã không được Tòa án Việt Nam xét xét và công nhận một cách thuận lợi theo tinh thần Công ước New York. Có thể liệt kê một số phán quyết bị từ chối công nhận như sau : trong năm 1997 ba phán quyết của Tòa án Trọng tài Thương mại Quốc tế bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Nga về một vụ mua ô tô Nga, hai vụ về mua trang thiết bị Nga, và gần đây trong năm 2001 là một số phán quyết như phán quyết trong Vụ kiện số 9677/AC/DB ngày 3/9/1999 của CCI về vụ bột mỳ Pháp.

Lý do chủ yếu để từ chối không công nhận các phán quyết này chủ yếu là viện dẫn sự vô hiệu của thỏa thuận trọng tài như sự thiếu năng lực ký kết thỏa thuận trọng tài, không xác định được trụ sở của bị đơn, như hiểu sai về Quy tắc tố tụng trọng tài của CCI.

Để khắc phục tình trạng các phán quyết trọng tài nước ngoài không được công nhận và thi hành ở Việt Nam, cần có sự đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ thẩm phán để họ thực sự hiểu về bản chất trọng tài và Công ước New York năm 1958 và cần nâng cao trách nhiệm của họ trong việc xem xét công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, nhằm làm cho trọng tài thực sự phát huy được hiệu quả của nó trong việc đem lại công lý cho các bên trong tranh chấp thương mại.

III. Một vài suy nghĩ về nâng cao hiệu quả của trọng tài tại Việt Nam

21. Hiện nay Việt Nam có 6 trung tâm trọng tài đặt ở các thành phố lớn, trong đó lớn nhất là Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ra đời năm 1993 trên cơ sở hợp nhất hai tổ chức trọng tài thương mại và hàng hải của Việt Nam (Hội đồng Trọng tài Ngoại thương thành lập năm 1963 và Hội đồng Trọng tài Hàng hải thành lập năm 1964). Trung tâm này có bề dày về kinh nghiệm qua việc xét xử gần 100 vụ tranh chấp quốc tế trong những năm qua thực sự là đầu tàu thúc đẩy sự phát triển của Trọng tài thương mại quốc tế ở Việt Nam.

Đã đến lúc Việt Nam hội đủ các điều kiện cần thiết để thành lập **Hiệp hội Trọng tài Việt Nam** để thúc đẩy việc quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và các Trung tâm trọng tài nước ngoài và quốc tế, là nơi trao đổi, truyền bá kiến thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực trọng tài, là nơi xuất bản một tạp chí về trọng tài ở Việt Nam

22. Hiện nay Bộ Tư pháp đã phối hợp với Hội Luật gia Việt Nam và Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam tổ chức một số lớp tập huấn về trọng tài cho các thẩm phán, cho các doanh nghiệp Việt Nam. Việc làm này nên được duy trì và mở rộng để các cơ quan tiến hành tố tụng, các doanh nghiệp và những người quan tâm có dịp nâng cao hiểu biết trong lĩnh vực này. Ngoài ra cũng nên có thêm các lớp tập huấn về luật hợp đồng và luật thương mại quốc tế cho các đối tượng trên.

23. Cũng nhằm tăng cường sự hiểu biết về trọng tài đặc biệt trong giới luật các Trường Luật nên nâng cao chất lượng giảng dạy môn Trọng tài để các cử nhân luật khi ra trường có những kiến thức cơ bản vững chắc về trọng tài, giúp cho trọng tài tại Việt Nam được nhiều người biết đến và hỗ trợ cho trọng tài thực sự phát triển ở Việt Nam.

Trường các chức danh tư pháp cũng là một môi trường tốt để truyền đạt cho các thẩm phán, các luật sư kiến thức và kinh nghiệm về tố tụng trọng tài và sự hợp tác giữa Tòa án và trọng tài.

24. Nhà lập pháp Việt Nam cũng nên tính đến khả năng sửa đổi và hoàn thiện khung pháp luật hiện nay về trọng tài bằng cách chỉnh sửa hai pháp lệnh, - Pháp lệnh Trọng tài Thương mại ngày 25/2/2003 và Pháp lệnh ngày 14/9/1995 về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, và hợp nhất hai pháp lệnh này thành một Luật Trọng tài Thương mại. Có thể đưa Luật này vào thành một chương trong Bộ luật Tố tụng dân sự của Việt Nam để tiện tra cứu và sử dụng.

25. Từ góc độ doanh nghiệp Việt Nam, cũng nên có cách nhìn mới. Doanh nghiệp cần thận trọng trong việc ký kết các hợp đồng quốc tế và khi đã ký kết hợp đồng thì hãy thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của mình. Doanh nghiệp nên có một ứng xử quốc tế : tôn trọng cam kết và tự nguyện thi hành phán quyết trọng tài khi mình bị thua kiện.

Việc không tôn trọng cam kết sẽ dẫn đến phát sinh tranh chấp và chiểu theo Điều khoản trọng tài của hợp đồng quốc tế thì tranh chấp sẽ được giải quyết bằng trọng tài.

Cũng nên nhớ rằng một phán quyết trọng tài nước ngoài không được bị đơn tự nguyện thi hành và cũng không được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành cưỡng chế ở Việt Nam, điều đó không có nghĩa là phán quyết đó chấm dứt vĩnh viễn hiệu lực của nó. Bên thắng kiện có thể đem phán quyết này đến quốc gia khác, thành viên của Công ước New York năm 1958, nơi có tài sản của bị đơn để xin được công nhận và thi hành ở quốc gia đó.

26. Trọng tài, - công lý tư, sẽ không thể phát triển được nếu nó không được Tòa án - công lý công, hỗ trợ trong các khâu của tố tụng trọng tài và đặc biệt là khâu công nhận và thi hành phán quyết. Chúng ta hy vọng rằng Tòa án, công lý anh sẽ hỗ trợ và nâng đỡ trọng tài, công lý em nhằm làm cho trọng tài thực sự có đất phát triển tại Việt Nam.

27. Với quyết tâm của nhà lập pháp Việt Nam trong việc xây dựng một khung pháp lý hoàn chỉnh cho trọng tài thương mại, với kinh nghiệm thực tiễn mà Việt Nam thu được qua gần 20 năm phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế, với kinh nghiệm xét xử của các trọng tài viên Việt Nam, đặc biệt các trọng tài viên Việt Nam của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam, với sự hợp tác hữu hiệu của Tòa án và các cơ quan chức năng khác chúng ta tin tưởng rằng trọng tài ở Việt Nam sẽ phát triển, góp phần ổn định môi trường kinh doanh tại Việt Nam, thực sự đem lại công lý cho các bên trong tranh chấp và góp phần đắc lực vào công cuộc phát triển kinh tế và hội nhập của Việt Nam.

Xin cảm ơn về sự quan tâm của Quý vị!

SOURCE: Hội thảo của Hiệp hội “Luật và Thương mại” Cộng Hòa Pháp
Ngày 3 tháng 11 năm 2003
Nhà Pháp luật Việt - Pháp, Hà Nội, Việt Nam